

MỘT NGÀNH KHOA HỌC MỚI : KINH TẾ - SINH THÁI HỌC

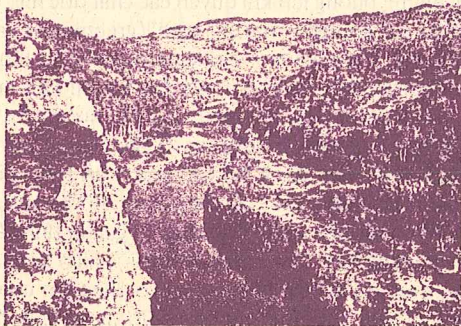
Trước đây, nếu những câu hỏi đại loại như sau: "Làm thế nào để có thể xác định được giá trị tương lai của loài cá voi?", "Ngắm nhìn một cảnh núi phải trả bao nhiêu tiền?"... thường được các nhà kinh tế học loại bỏ ra khỏi sự chú ý của mình và xem đó là những thứ nằm bên ngoài lãnh vực chuyên môn của họ, thì ngày nay, những câu hỏi đại loại như thế lại trở thành đối tượng nghiên cứu của một ngành kinh tế học mới mẻ với tên gọi là kinh tế - sinh thái học (ecological economics) hoặc có thể gọi tắt là "kinh thái học" (eco-economics). Ngành học mới mẻ này có nhiệm vụ đặt một chiếc cầu nối liền giữa hai lãnh vực kinh tế và sinh thái.

Những người khởi xướng ra ngành khoa học mới mẻ này đã thành lập một tổ chức gọi là "Hội kinh tế - Sinh thái học quốc tế" (International Society for Ecological Economics) và đã họp lần đầu tiên vào tháng 5-1990 tại trụ sở Ngân hàng Thế giới ở thủ đô Washington. Chính trong cuộc họp đầu tiên này, nhiều vấn đề đã được các nhà kinh tế - sinh thái học nêu lên chung quanh ý tưởng về sự phát triển tự duy (sustainable development). Đây là một kiểu phát triển không làm tổn hại thiên nhiên, giữ được thế quần bình của môi trường sao cho thiên nhiên tự duy trì và tự tái tạo lại chính bản thân mình.

Một trong những người đầu tiên đề xướng ngành kinh tế sinh thái học này là Herman Daly, một nhà kinh tế học làm việc ở Ngân hàng Thế giới. Vào năm 1989, Herman Daly hợp tác với nhà thần học John Cobb viết chung một quyển sách có tên gọi là "Vì một điều tốt lành chung" (*For the Common Good*) trong đó có đề cập đến một kỹ thuật mới dùng để đo lường các biến đổi kinh tế. Theo Daly và Cobb, những chỉ số kinh tế thông thường mà chúng ta hay sử dụng như GNP

không hề cho biết sự mất mát về mặt tài nguyên thiên nhiên cũng như những phí tổn gây ra bởi sự tổn hại môi trường.

Phương pháp mới của các tác giả này, được gọi là Chỉ số Phúc lợi Kinh tế Tự duy (Index of the Sustainable Economic Welfare), có giải thích thêm về sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên khi chúng được dùng để sản xuất hàng hóa và dịch vụ, cũng như về những phí tổn do ô nhiễm tạo ra. Daly và Cobb cũng muốn thay thế những cách đo lường, những chỉ số thông thường như đã được biết từ trước tới nay bằng kỹ thuật đo lường mới của họ (gọi tắt là ISEW). Khi phương pháp của họ được đem ra áp dụng ở Mỹ, thì người ta thấy kết quả có khác hơn nếu dùng chỉ số cũ là GNP. Trong khi phương pháp đo lường kinh tế bằng GNP cho thấy tiến trình phát triển kinh tế là một tiến trình đi lên liên tục trong khoảng thời gian từ 1960 đến 1986 thì phương pháp ISEW của Daly và Cobb lại cho thấy tiến trình phát triển kinh tế đó lại là một đường ngang, bằng phẳng và hơi chệch xuống ở một số thời kỳ.



Trong một cuốn sách xuất bản vào năm 1986 với nhan đề: *Kỹ thuật đánh giá kinh tế đối với môi trường* (*Economic Valuation Techniques for the Environment*), một nhà kinh tế học của

Ngân hàng Thế giới là John A. Dixon và Maynard M. Hufschmidt ở Trung tâm Đông-Tây thuộc Đại học Honolulu đã chỉ ra một phương pháp dùng để xác định giá trị của những đối tượng như công viên ở đô thị chẳng hạn.

Các nhà hoạt động chính trị, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, rất ít khi để ý đến ý kiến của các chuyên gia về vấn đề bảo vệ môi trường. Đối với họ, phát triển kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội, với bất cứ giá nào, là một ưu tiên hàng đầu. Nhưng, theo các chuyên gia và các nhà kinh tế học sinh thái, nếu chúng mình được cho các nhà cầm quyền thấy được rằng phát triển kinh tế theo hướng bảo vệ sinh thái chính là một biện pháp đem lại lợi nhuận nhiều hơn việc chỉ phát triển kinh tế đơn thuần thì có lẽ các nhà cầm quyền sẽ phải suy nghĩ lại về các dự án phát triển của họ.

Một trong những khái niệm của nền kinh tế học truyền thống thường bị các nhà kinh tế sinh thái học công kích, đó là khái niệm tỉ suất chiết khấu (discount rates) được sử dụng trong một kỹ thuật được gọi là "phân tích giá trị hiện tại" (present - value analysis). Theo đó, giá trị của một loại hàng hóa hoặc dịch vụ sẽ được chuyển giao trong tương lai lại được ước tính bằng giá trị hiện tại. Điều đó, theo các nhà kinh tế sinh thái, sẽ khuyến khích

người ta chỉ nghĩ đến cái lợi hiện tại mà không nghĩ đến những hậu quả xấu trong tương lai. Các nhà kinh tế sinh thái cho rằng giả định căn bản của nền kinh tế học theo qui ước là một giả định sai lầm, khi

các kinh tế gia truyền thống rằng có những vấn đề vượt ngoài phạm vi kinh tế học (theo nghĩa cũ) phải được quyết bởi chính sách nhà nước. Đối với các nhà kinh tế sinh thái, vấn đề bảo vệ phẩm chất môi trường (environmental quality) phải được đặt lên hàng đầu.

Các nhà khoa học sinh thái còn đi xa hơn nữa đề nghị của họ. Nhà sinh thái học Mỹ Howard Odum đề nghị một phương pháp sử dụng các đơn vị năng lượng mà gọi là *Emergy* thay cho các đơn vị kinh tế cũ. Nếu sử dụng phương pháp này, thì ng xuất khẩu tôm của Ecuador mất đi nhiều đơn vị "emergy" trong khi những nhà sản xuất tôm Nhật Bản lại những người thu lợi nhiều hơn. Nói cách khác, lợi tức Ecuador có được do việc xuất khẩu tôm qua Nhật Bản không đủ bù cho sự thiệt hại môi trường việc khai thác tôm bừa bãi ra.

Vấn đề đối với các nhà khoa học môi trường và các nhà kinh tế sinh thái là phải sao đạt được một sự phát triển có tính chất tự duy (sustainable). Điều khó khăn chính là phải làm sao định lượng được khái niệm "phát triển tự duy" này. Vào tháng 2 năm 92 qua, ở Washington, đã có một hội nghị quốc tế chuyên đề về việc đo lường tính chất tự duy của sự phát triển.

Hiện nay, các chương trình huấn luyện về kinh tế sinh thái học đã được tổ chức ở Tl. Điển, Mỹ và Australia. Một kỹ thuật của khoa kinh tế sinh thái học cũng đã được Ngân hàng Phát triển châu Á và Ngân hàng Thế giới áp dụng trong khi xét duyệt các dự án. Nhiều nhà kinh tế học ngày càng tin tưởng hơn về con đường đúng đắn của khoa kinh tế sinh thái học. Nhà kinh tế học Dixon nói: "Thử thách ngày nay là áp dụng lý thuyết của khoa kinh tế sinh thái vào việc giải quyết những vấn đề mà thế giới hiện nay phải đối phó".

(*Far Eastern Economic Review*, 19-9-1992)